



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VINALINK

Số: 714/ 2026/CBTT/VNL-ADM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy ban Chứng khoán nhà nước

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

- Mã chứng khoán: VNL
- Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: (028) 3991 9259
- E-mail: headoffice@vinalinklogistics.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Nghị quyết số 710/2026/NQ/VNL-HĐQT của HĐQT về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty.

Thông tin này đã được công bố trên website của công ty vào ngày 24/08/2026 tại mục Cổ đông www.vinalinklogistics.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Đại diện tổ chức
Người UQ CBTT

Nguyễn Đỗ Anh Thư

Trụ sở chính: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, TPHCM - ĐT: 84.28.3991 9259
Email: thuky@vinalinklogistics.com - Website: www.vinalinklogistics.com



CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS VINALINK

Số: 710/2026/NQ/VNL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2026

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản liên quan;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/ 11/ 2019 và các văn bản liên quan;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 247/2026/NQ/VNL-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2026;
- Nghị quyết HĐQT số 302/2026/NQ/VNL-HĐQT ngày 22/05/2026;
- Nghị quyết HĐQT số 426/2026/NQ/VNL-HĐQT ngày 20/07/2026;
- Thông báo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty số 672/2026/TB/VNL-ADM ngày 05/08/2026;
- Kết quả đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty tính đến hết ngày 20/08/2026;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 709/2026/BB/VNL-HĐQT ngày 24/08/2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (từ ngày 10/08/2026 đến ngày 20/08/2026) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 247/2026/NQ/VNL-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2026, như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

3. Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 14.140.487 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.140.487 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 707.000 cổ phiếu, tương ứng 4,9998% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

5. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

6. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

7. Ngày kết thúc đợt phát hành: 20/08/2026.

8. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Trong tháng 9/2026.

9. Số cổ phiếu đã phân phối: 668.300 cổ phiếu, tương ứng 94,53% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.

10. Tổng số tiền thu được: 6.683.000.000 đồng.

11. Số lượng người lao động được phân phối: 152 người.

Danh sách người lao động tham gia mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty đính kèm Nghị quyết này.

12. Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối (do người lao động không đăng ký mua): 38.700 cổ phiếu

Do HĐQT không lựa chọn được người lao động phù hợp, HĐQT quyết định không thực hiện phân phối lại 38.700 cổ phiếu trên, theo đó điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán tương ứng với số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.

Điều 2. Các Thành viên Hội đồng quản trị giám sát, kiểm tra việc thực hiện; Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo các phòng ban và cá nhân có liên quan căn cứ Nghị quyết thực hiện.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NAM TIẾN

PHỤ LỤC

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA MUA CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

(Đính kèm Nghị quyết HĐQT số 710/2026/NQ/VNL-HĐQT ngày 24/08/2026)

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/ người)
Nhóm I. Cán bộ quản lý chủ chốt			
1.	Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT	42.400
2.	Vũ Quốc Bảo	Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội	42.500
3.	Nguyễn Anh Nam	Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính kiêm Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng	28.300
4.	Nguyễn Đỗ Anh Thư	Giám đốc pháp chế kiêm Giám đốc chi nhánh Hải Phòng	21.200
5.	Nguyễn Văn Chương	Trợ lý Tổng Giám đốc	14.100
6.	Nguyễn Thị Thùy Linh	Trợ lý Tổng Giám đốc	14.100
7.	Nguyễn Phương Hạnh	Phó Giám đốc chi nhánh Hà Nội	14.100
Nhóm II. Cán bộ nhân viên			
8.	Lâm Thị Như Hoài	Trưởng Phòng	6.300
9.	Nguyễn Hữu Trà My	Trưởng Phòng	6.300
10.	Nguyễn Việt Anh	Trưởng Phòng	6.300
11.	Nguyễn Thị Phụng	Trưởng Phòng	5.800
12.	Nguyễn Minh Quang	Trưởng Phòng	5.700
13.	Nguyễn Công Trung	Trưởng Phòng	5.700
14.	Huỳnh Trung Nguyễn	Trưởng Phòng	5.700
15.	Vũ Thị Dịu	Phó phòng	4.900
16.	Nguyễn Trung Thanh	Phó phòng	4.900
17.	Lê Thị Thanh Thanh	Phó phòng	4.900
18.	Đào Thị Thanh	Phó phòng	4.900

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/ người)
19.	Lê Minh Đức	Phó phòng	4.300
20.	Lê Minh Hải	Phó phòng	4.300
21.	Diệp Thị Minh Hiền	Phó phòng	4.300
22.	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Phó phòng	4.300
23.	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phó phòng	4.300
24.	Trần Thị Ái Hương	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	4.300
25.	Phan Thị Hương	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	4.300
26.	Võ Thị Mỹ Ngọc	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	4.300
27.	Lê Hoàng Thúy Vy	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	4.300
28.	Nguyễn Tâm Như Nguyễn	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	4.300
29.	Bùi Lệ Hằng	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	4.300
30.	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	3.700
31.	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	3.700
32.	Nguyễn Thị Hòa	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	3.700
33.	Đỗ Phương Thảo	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	3.700
34.	Lương Thị Mỹ Trinh	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	3.700
35.	Cao Thị Yến	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	3.700
36.	Trần Thị Thanh Vân	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	3.700
37.	Lê Thị Thu Vân	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	3.700
38.	Nguyễn Xuân Hiền	Trưởng bộ phận/ Nhóm nghiệp vụ	3.700
39.	Nguyễn Hữu Thành	Nhân viên	3.400
40.	Trần Châu Thanh Nguyên	Nhân viên	3.400
41.	Cao Bích Ngân	Nhân viên	3.400
42.	Dương Đình Hiếu	Nhân viên	3.400
43.	Nguyễn Tiến Dương	Nhân viên	3.400
44.	Võ Thị Khánh Chi	Nhân viên	3.400
45.	Phùng Thị Việt Hà	Nhân viên	3.400

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/ người)
46.	Phạm Tuyết Lan	Nhân viên	3.400
47.	Lê Hiếu Thuận	Nhân viên	3.400
48.	Phạm Thị Kim Thu	Nhân viên	3.400
49.	Đặng Duy Tân	Nhân viên	3.400
50.	Lê Thị Khánh Tường	Nhân viên	3.400
51.	Lô Văn Thanh	Nhân viên	3.400
52.	Đỗ Hải Đăng	Nhân viên	3.400
53.	Trương Thị Mỹ	Nhân viên	3.400
54.	Ngô Thị Thơ	Nhân viên	3.400
55.	Trần Ngọc Hoa	Nhân viên	3.400
56.	Phạm Thị Tươi	Nhân viên	3.400
57.	Đỗ Văn Hưng	Nhân viên	3.400
58.	Vũ Thị Lập	Nhân viên	3.400
59.	Nguyễn Thị Thu Hà	Nhân viên	3.400
60.	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nhân viên	3.400
61.	Trịnh Thị Mỹ Tiên	Nhân viên	3.400
62.	Trần Thị Thanh Thủy	Nhân viên	3.400
63.	Trần Thị Ngọc	Nhân viên	3.400
64.	Cần Thị Hương Giang	Nhân viên	3.400
65.	Khổng Văn Trúc Tâm	Nhân viên	3.400
66.	Lưu Hồ Văn	Nhân viên	3.400
67.	Lê Thị Như Quỳnh	Nhân viên	3.400
68.	Nguyễn Tuấn Đạt	Nhân viên	3.400
69.	Nguyễn Hoàng Nhung	Nhân viên	3.400
70.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nhân viên	3.400
71.	Trịnh Thế Anh	Nhân viên	3.400
72.	Phùng Ngọc An	Nhân viên	3.400

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/ người)
73.	Bùi Thị Hồng Cẩm	Nhân viên	3.400
74.	Dương Hoài Thương	Nhân viên	3.400
75.	Đặng Phước Thiện	Nhân viên	3.400
76.	Trần Tiến Xuân Quỳnh	Nhân viên	3.400
77.	Nguyễn Thị Hồng Thoa	Nhân viên	2.900
78.	Lê Thị Trúc Uyên	Nhân viên	2.900
79.	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nhân viên	2.900
80.	Vũ Thị Kim Yến	Nhân viên	2.900
81.	Lê Thị Huệ	Nhân viên	2.900
82.	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nhân viên	2.900
83.	Lê Thị Thanh Huyền	Nhân viên	2.900
84.	Trịnh Đức Minh	Nhân viên	2.900
85.	Ninh Cẩm Huyền	Nhân viên	2.900
86.	Nguyễn Phi Long	Nhân viên	2.900
87.	Nguyễn Luyện	Nhân viên	2.900
88.	Nguyễn Khắc Văn	Nhân viên	2.900
89.	Nguyễn Thị Ngoan	Nhân viên	2.900
90.	Trần Văn Trung	Nhân viên	2.900
91.	Trần Thanh Tùng	Nhân viên	2.900
92.	Vương Trung Hiếu	Nhân viên	2.900
93.	Phạm Thị Phương Hoa	Nhân viên	2.900
94.	Nguyễn Mạnh Thắng	Nhân viên	2.900
95.	Trần Thị Thúy Ngân	Nhân viên	2.900
96.	Nguyễn Thị Lan Anh	Nhân viên	2.900
97.	Nguyễn Trung Dũng	Nhân viên	2.900
98.	Đỗ Bảo Lệ	Nhân viên	2.900
99.	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân viên	2.900

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/ người)
100.	Lư Trần Quốc Lâm	Nhân viên	2.900
101.	Ngô Văn Toàn	Nhân viên	2.900
102.	Hoàng Ngọc Thanh	Nhân viên	2.900
103.	Nguyễn Thị Hương Thảo	Nhân viên	2.900
104.	Thân Đức Thư	Nhân viên	2.900
105.	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nhân viên	2.900
106.	Cao Thị Mỹ Hạnh	Nhân viên	2.900
107.	Lê Thị Bích Ngọc	Nhân viên	2.900
108.	Nguyễn Vũ Xuân Hà	Nhân viên	2.900
109.	Trần Thế Phương	Nhân viên	2.900
110.	Đinh Hữu Dương	Nhân viên	2.900
111.	Đỗ Thúy Loan	Nhân viên	2.900
112.	Nguyễn Thuỳ Dương	Nhân viên	2.900
113.	Đỗ Thị Phương Thảo	Nhân viên	2.900
114.	Vũ Thị Hiếu	Nhân viên	2.900
115.	Đặng Hoàng Tiếng	Nhân viên	2.900
116.	Lê Thị Hồng Đăng	Nhân viên	2.900
117.	Lê Anh Tuấn	Nhân viên	2.900
118.	Vũ Hồng Long	Nhân viên	2.900
119.	Vũ Thị Quỳnh Trang	Nhân viên	2.900
120.	Nguyễn Thị Hương	Nhân viên	2.900
121.	Nguyễn Thị Thảo Linh	Nhân viên	2.900
122.	Vương Thế Quyền	Nhân viên	2.900
123.	Lê Thị Xoa	Nhân viên	2.900
124.	Phan Hồng Nhung	Nhân viên	2.900
125.	Đặng Thị Linh	Nhân viên	2.900
126.	Lê Nam Tiến	Nhân viên	2.900

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/ người)
127.	Đinh Đăng Bằng	Nhân viên	2.900
128.	Hồ Thị Ngân Hà	Nhân viên	2.900
129.	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nhân viên	2.900
130.	Đỗ Xuân Trường	Nhân viên	2.900
131.	Trần Quang Huy	Nhân viên	2.900
132.	Nguyễn Thị Hương	Nhân viên	2.900
133.	Đào Thanh Trúc	Nhân viên	2.900
134.	Trần Thị Thanh Nga	Nhân viên	2.900
135.	Nguyễn Ngọc Bích	Nhân viên	2.900
136.	Bùi Thanh Mai	Nhân viên	2.900
137.	Nguyễn Thị Phương Linh	Nhân viên	2.900
138.	Vũ Thị Kim Anh	Nhân viên	2.900
139.	Nguyễn Thị Thanh Bình	Nhân viên	2.900
140.	Võ Thị Cẩm Tú	Nhân viên	2.900
141.	Nguyễn Hoàng Sơn	Nhân viên	2.900
142.	Đậu Đình Quyên	Nhân viên	2.900
143.	Lê Tấn Tài	Nhân viên	2.900
144.	Trần Thái Thiện	Nhân viên	2.900
145.	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Nhân viên	2.900
146.	Trần Nguyễn Nhật Thiên	Nhân viên	2.900
147.	Võ Trọng Nghĩa	Nhân viên	2.900
148.	Nguyễn Trường Giang Hà	Nhân viên	2.900
149.	Tô Duy Kiên	Nhân viên	2.900
150.	Vũ Thế Quang	Nhân viên	2.900
151.	Lâm Thị Như Hương	Nhân viên	2.900
152.	Đinh Huy Dũng	Nhân viên	2.900
TỔNG CỘNG			668.300

